

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐB
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2026/DS-ST

Ngày: 04-6-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐB

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bạc Thị Liên

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Nguyễn Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Đặng Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân k
1 - Điện Biên, tỉnh ĐB;

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- ĐB xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02
tháng 04 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 04 năm 2026;
Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2026

- **Nguyên đơn:** Chị Cà Thị P - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản P, xã Mường
Ả, tỉnh Đ.

- **Bị đơn:** Anh Cà Văn T - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Bản P, xã M, tỉnh ĐB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/2/2026 và các bản tự khai tại
Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, chị Cà Thị P (nguyên đơn) trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Tôi và anh Cà Văn T đăng ký kết hôn ngày 20/11/2014 tại
UBND xã Ả, huyện M (nay là xã M), tỉnh Đ. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm
hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động
bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh T sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó
phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T thường bỏ bê gia đình
đi làm ăn không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn giữa tôi và anh T ngày
càng xấu đi mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay
xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án n 1 - Đ giải quyết việc ly hôn giữa tôi và anh Cà Văn T

- **Về con chung:** Chúng tôi có 02 người con chung là cháu Cà Thị T

Ngân sinh ngày 01/01/2011, cháu Cà Văn H sinh ngày 22/8/2014. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng đối với con chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- **Về tài sản:** Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có

2. Đối với bị đơn: Ngày 02/4/2026, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị Cà Thị P cho anh Cà Văn T được biết, giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh Tính.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2025 anh Cà Văn T khai:

- **Về hôn nhân:**Tôi T và cô P lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2014 tại UBND xã Á, huyện M (cũ), (nay là xã M),tỉnh ĐB. Chúng tôi lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì cuộc sống hai vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. cô P tự bỏ tôi về bên nhà ngoại sinh sống chúng tôi ly thân nhiều năm nay.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung: Cà Thị Thanh N, sinh ngày 01/01/2011 và Cà Văn H, sinh ngày 22/08/2014. Tôi và cô P cùng 2 bên gia đình thoả thuận cô P nuôi cháu N (là con gái theo mẹ), để tôi (T nuôi cháu Cà Văn H con trai theo bố) cho đến khi con đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác và nguyện vọng các cháu)

- **Về tài sản và nợ:** Không yêu cầu toà án giải quyết

- Những yêu cầu, đề nghị khác của người tự khai:Do tôi phải đi làm thuê xa nhà không lên toà tham gia hoà giải và xét xử được do vậy tôi đề nghị Toà xét xử vắng mặt tôi. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì

3.Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ và có xin Toà xét xử vắng mặt căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

- Tại phiên tòa hôm nay, chị Cà Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại Bản P, xã M, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc anh Cà Văn Tính không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70,72/BLTTDS là do anh Tính đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Cà Thị P và anh Cà Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M (nay là xã M), tỉnh Điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị P cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T thường bỏ bê gia đình đi làm ăn không quan tâm đến gia đình vợ con. Hai bên gia đình cũng nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thành. Bản thân chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Theo lời khai của bị đơn từ tháng 6 năm 2018 thì cuộc sống hai vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Cô P tự bỏ anh T về bên nhà ngoại sinh sống hai anh chị ly thân nhiều năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị Cà Thị P và anh T và giải thoát cho cả hai anh, chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do hai anh chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, trầm trọng. Bản thân anh T và chị P không có ý định hàn gắn tình cảm như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị P. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Cà Thị P xử cho ly hôn chị Cà Thị P và anh Cà Văn T

[3]. Về con chung: Theo nguyện vọng của anh T và chị P tự thỏa thuận tại gia đình 2 bên phân chia cô P nuôi cháu N (là con gái theo mẹ), để anh T nuôi cháu Cà Văn H (con trai theo bố) cho đến khi con đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác và theo nguyện vọng các cháu

Xét nguyện vọng của hai anh chị HĐXX chấp nhận giao:

Chị Cà Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cà Thị Thanh N sinh ngày 01/01/2011, anh Cà Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cà Văn H sinh ngày 22/8/2014 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[5]. Về án phí: Chị P là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Cà Thị P được ly hôn với anh Cà Văn T.

2. Về con chung: Chị Cà Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cà Thị Thanh N sinh ngày 01/01/2011, anh Cà Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cà Văn H sinh ngày 22/8/2014 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Cà Thị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Đ;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đ;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên